# ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH
# KẾT QUẢ HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

---

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá, từ ngày 05/7 đến ngày 08/7/2021, tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã họp bàn, cho ý kiến về các nội dung sau: (1) Về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và dự kiến Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. (2) Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII. (3) Quy chế làm việc của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII. (4) Quy định thi hành Điều lệ Đảng. (5) Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. (6) Về cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước và phương án giới thiệu bổ sung nhân sự đảm nhiệm một số chức danh lãnh đạo cơ quan Nhà nước khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026. (7) Bầu bổ sung Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII. (8) Xem xét, thi hành kỷ luật cán bộ. (9) Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 2 đến Hội nghị Trung ương 3 và các nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 3 đến Hội nghị Trung ương 4. (10) Báo cáo tình hình phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tham dự Hội nghị lần này có 194 đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng (175 Uỷ viên chính thức và 19 Uỷ viên dự khuyết). Đại biểu mời dự 17 đồng chí không là Uỷ viên Trung ương Đảng (Bí thư Tỉnh uỷ Đăk Nông, Chính uỷ Quân khu 2, Chính uỷ Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Phó Chủ nhiệm và Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII). Tổng số có 211 đại biểu tham dự Hội nghị.

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát huy dân chủ, trí tuệ, thẳng thắn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào các báo cáo. Bộ Chính trị đã họp, thảo luận để tiếp thu ý kiến đóng góp của Ban Chấp hành Trung ương và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất cao thông qua những nội dung cơ bản các văn kiện của Hội nghị Trung ương.

Sau đây là Thông báo nhanh về kết quả Hội nghị.

## I- VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TÀI CHÍNH QUỐC GIA, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2021 - 2025

Ban Chấp hành Trung ương Đảng cơ bản tán thành nội dung báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc

gia, đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và dự kiến kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 do Ban cán sự đảng Chính phủ trình; đồng thời thống nhất nhấn mạnh một số điểm sau đây:

A- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

**1. Về bối cảnh và tình hình giai đoạn 2016 - 2020**

Giai đoạn 2016 - 2020, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức với những yếu tố khó lường, nhất là đại dịch Covid-19 xuất hiện và bùng phát từ đầu năm 2020, nhưng với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng và giám sát của Quốc hội, sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ, về tổng thể, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật.

Chúng ta đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt, chủ động, kịp thời, sáng tạo kiểm soát đại dịch Covid-19, khắc phục thiên tai, sự cố môi trường... Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp; thu ngân sách nhà nước vượt kế hoạch; bội chi, nợ công giảm mạnh; kim ngạch xuất nhập khẩu đạt kỷ lục, cán cân thương mại thặng dư 5 năm liên tiếp. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực, đúng hướng, thực chất hơn. Thực hiện 3 đột phá chiến lược đạt một số kết quả bước đầu. Kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị lớn; trong đó một số công trình, dự án quan trọng, quy mô lớn được tập trung đầu tư, hoàn thành. Nhiều nhà máy, dự án có công nghệ hiện đại đã được đưa vào sản xuất. Các nền tảng cần thiết để phát triển kinh tế số đang từng bước được hình thành. Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng; phát triển văn hoá được quan tâm chú trọng và đầu tư nhiều hơn; an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân được cải thiện. Xây dựng nông thôn mới vượt mục tiêu đề ra trước thời hạn hơn 2 năm. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu có nhiều chuyển biến tích cực. Cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Bộ máy quản lý nhà nước được kiện toàn, từng bước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; tinh giản biên chế được chú trọng và đạt mục tiêu đề ra. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh, đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả hơn. Ký kết và triển khai nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới quan trọng. Vị thế và uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao. Đời sống của người dân được cải thiện; tỉ lệ giảm nghèo vượt

mục tiêu đề ra, nhất là tại vùng đồng bào các dân tộc. Niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước được củng cố và tăng cường.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân nhiệm kỳ chưa đạt mục tiêu đề ra, chủ yếu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng chưa có bứt phá lớn, huy động nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công tư còn tồn tại, hạn chế; kết quả thực hiện 3 đột phá chiến lược chưa đạt được mục tiêu đề ra. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn một số mặt chưa đồng bộ, đầy đủ. Nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ phát triển chậm. Kết quả giảm nghèo đa chiều chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, nhất là do dịch bệnh gây ra. Văn hoá có bước phát triển nhưng chưa tương xứng với kinh tế. Chất lượng môi trường nhiều nơi đi xuống. Bộ máy nhà nước một số nơi còn cồng kềnh, trùng chéo; phân công, phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát chưa thực sự hiệu quả, hợp lý. Bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều thách thức; việc kết hợp kinh tế, văn hoá, xã hội với quốc phòng, an ninh ở một số đơn vị, địa phương hiệu quả chưa cao, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác; tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở một số địa bàn chưa thật vững chắc. Chưa tận dụng, khai thác tối đa, hiệu quả những cơ hội trong hội nhập quốc tế.

*Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.* Nguyên nhân khách quan đến từ tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, độ mở của nền kinh tế lớn; năng lực nội tại của nền kinh tế còn thấp; dịch bệnh, sự cố môi trường biển, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất... tác động mạnh và thường xuyên hơn, đặc biệt là đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 tác động nghiêm trọng trên nhiều lĩnh vực ảnh hưởng đến kết quả phát triển của cả giai đoạn 2016 - 2020. Nguyên nhân chủ quan do một số cơ chế, chính sách còn bất cập; quy định pháp luật chưa đồng bộ, thống nhất, còn chồng chéo và chậm được sửa đổi, bổ sung; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có nơi còn yếu kém, chưa chặt chẽ, hiệu quả; huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển chưa đáp ứng yêu cầu; phẩm chất, năng lực, uy tín, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, nhất là người đứng đầu ở một số cấp, ngành chưa thực sự ngang tầm nhiệm vụ; công tác tổ chức thực hiện, chỉ đạo, điều hành một số mặt ở một số địa phương, ngành chưa quyết liệt; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục; công tác phân tích, dự báo còn hạn chế; một số dự án thua lỗ, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước yếu kém chậm được xử lý...

**2. Dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

Bối cảnh quốc tế, trong nước thời gian tới có những cơ hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng; các thách thức an ninh truyền thống

và phi truyền thống ngày càng phức tạp; đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng lớn. Thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế tiềm ẩn nhiều rủi ro. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động ngày càng sâu rộng. Ở trong nước, sau 35 năm đổi mới, thế và lực của ta đã lớn mạnh hơn nhiều. Tình hình chính trị - xã hội ổn định, niềm tin của nhân dân tăng lên. Kinh tế phát triển và hội nhập ngày càng sâu rộng với nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới được ký kết. Chúng ta phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động rất nặng nề của đại dịch Covid-19 và một số tồn tại, hạn chế cũ chậm được khắc phục, nhiều vấn đề xã hội, môi trường như già hoá dân số, chênh lệch giàu nghèo, biến đổi khí hậu…; bảo vệ độc lập, chủ quyền còn nhiều thách thức.

***2.1. Quan điểm phát triển***

(1) Phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. (2) Tập trung đổi mới, bổ sung, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với nâng cao chất lượng xây dựng thể chế và thực thi pháp luật hiệu lực, hiệu quả. Phát triển nhanh, hài hoà, hợp lý, hiệu quả hơn giữa các vùng kinh tế, các khu vực kinh tế và các loại hình doanh nghiệp; phát triển kinh tế tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế. (3) Tiếp tục khơi dậy và thúc đẩy khát vọng, ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy tối đa nhân tố con người, xác định con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu cao nhất của sự phát triển. Kết hợp hài hoà, hợp lý, hiệu quả giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường bền vững. (4) Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở làm chủ công nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hoá thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực là quan trọng, đột phá. (5) Chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; gắn kết chặt chẽ, hài hoà, hợp lý, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

***2.2. Mục tiêu tổng quát***

Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, trên cơ sở tăng cường, củng cố ổn định kinh tế vĩ mô bền vững, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 - 2020, đến năm 2025 là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập

trung bình thấp. Nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi kinh tế. Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức sáng tạo của mỗi cá nhân. Từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân, tinh thần lớn là "không để ai bị bỏ lại phía sau" trong phát triển đất nước. Bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân. Chú trọng bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

***2.3. Các chỉ tiêu chủ yếu:*** Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 gồm 23 chỉ tiêu như báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ đã trình Ban Chấp hành Trung ương; trong đó có một số chỉ tiêu quan trọng: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5 - 7%; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; bội chi ngân sách nhà nước bình quân 3,7% GDP; tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm 1 - 1,5%/năm; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tỉ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%.

***2.4. Nhiệm vụ, giải pháp***

- Tập trung thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, nhưng căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn ưu tiên; bảo đảm đời sống, sức khoẻ, tính mạng của nhân dân. Quyết liệt triển khai các giải pháp phòng, chống dịch theo phương châm "5K + vắc-xin" và ứng dụng công nghệ chặt chẽ, rộng rãi; khẩn trương triển khai chiến lược vắc-xin toàn diện, hiệu quả, tổ chức tiêm chủng vắc-xin Covid-19 cho đa số người dân, sớm đạt miễn dịch cộng đồng vào cuối năm 2021, đầu năm 2022. Nghiên cứu, xây dựng chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, khả thi, hiệu quả.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện; ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù để giải quyết những vấn đề tồn đọng, phức tạp; trường hợp cần thiết ban hành một luật sửa nhiều luật hoặc nghị quyết thí điểm đối với những bất cập khi chưa sửa luật, những vấn đề mới phát sinh chưa được quy định trong luật hoặc đã có nhưng không còn phù hợp với thực tiễn. Khẩn trương rà soát, sửa đổi các nghị định, nghị quyết không còn phù hợp hoặc vướng mắc khi thực hiện.

Khẩn trương ban hành các quy hoạch theo quy định, làm cơ sở cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh hơn nữa phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và tăng cường kiểm tra, giám sát. Điều hành chính sách tiền tệ, tài khoá chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hoà giữa các chính sách nhằm kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Nhanh chóng phục hồi nền kinh tế trong những năm đầu nhiệm kỳ; bứt phá, phát triển trong những năm tiếp theo. Quyết liệt hiệu quả hơn nữa trong cơ cấu lại đầu tư công, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nhà nước.

- Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án tồn đọng, kéo dài để sớm đưa vào khai thác, sử dụng, tạo nguồn lực cho phát triển. Đẩy mạnh triển khai các dự án theo hình thức đối tác công tư, các dự án BOT để phát triển hạ tầng chiến lược trên nguyên tắc hài hoà lợi ích, chia sẻ rủi ro giữa nhà nước, nhà đầu tư và người dân. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, quản trị hiện đại; tăng cường liên kết giữa khu vực kinh tế trong nước và khu vực kinh tế nước ngoài.

- Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông (đường bộ cao tốc, đường hàng không, đường sắt) ở các vùng kinh tế trọng điểm và còn khó khăn; hạ tầng năng lượng; hạ tầng tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là đồng bằng sông Cửu Long, duyên hải miền Trung - Tây Nguyên. Phát triển hài hoà hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội; thúc đẩy phát triển hạ tầng số, hạ tầng kết nối các phương thức vận tải, logistics.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ. Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng, hiệu quả thị trường lao động. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; tăng cường liên kết doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học, lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

- Nghiên cứu phân vùng phù hợp, nâng cao chất lượng quy hoạch vùng theo hướng tích hợp, đa ngành, phát huy tốt nhất những tiềm năng, lợi thế của từng vùng; thúc đẩy mạnh mẽ phát triển liên kết vùng, liên vùng, có thể chế điều phối vùng, cơ chế, chính sách để phát huy vai trò động lực tăng trưởng của các vùng kinh tế trọng điểm, sớm tạo các vùng động lực mới, cực tăng trưởng mới, đẩy mạnh liên kết nội vùng và giữa các vùng.

- Phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với xã hội. Không đánh đổi công bằng, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

Thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, sức khoẻ cho người dân, bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tăng cường công tác thông tin truyền thông, truyền cảm hứng cho nhân dân và tạo đồng thuận xã hội.

- Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước; chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với mở ra môi trường đổi mới sáng tạo; có cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Tiếp tục cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xử lý nghiêm các vụ án kinh tế, tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng; ngăn chặn các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà người dân và doanh nghiệp. Tập trung giải quyết khiếu nại tố cáo, nhất là những vụ việc tồn đọng, kéo dài.

- Phát triển kinh tế đi liền với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng. Không để bị động, bất ngờ, ngăn chặn việc hình thành các tổ chức chính trị đối lập; đấu tranh mạnh mẽ với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước, phấn đấu hoàn thành phân giới cắm mốc, giải quyết các vấn đề còn tồn đọng về biên giới, lãnh thổ, trong đó có việc thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình và trên cơ sở luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Làm tốt công tác bảo hộ công dân, người Việt Nam ở nước ngoài.

## B- KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

### 1. Tình hình, kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2020

Công tác tài chính - ngân sách nhà nước 5 năm 2016 - 2020 đạt kết quả tích cực. Hệ thống pháp luật về tài chính, ngân sách tiếp tục hoàn thiện. Cơ cấu

lại ngân sách nhà nước và quản lý nợ công cơ bản đạt và vượt mục tiêu đề ra, đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia. Tài sản công được quản lý chặt chẽ, hiệu quả hơn. Hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu được sắp xếp lại. Kỷ luật, kỷ cương tài chính được nâng cao.

Tuy nhiên, một số quy định pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước còn bất cập. Các cân đối tài chính vĩ mô chưa thật bền vững. Thị trường chứng khoán phát triển nhanh nhưng thiếu bền vững. Vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương có xu hướng giảm. Hiệu lực, hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính chưa cao; một số quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động hiệu quả chưa cao. Đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm; cổ phần hoá, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước chưa đạt yêu cầu, mục tiêu đề ra.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân do biến động tình hình thế giới và khu vực, tác động của thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19, nhưng chủ yếu do một số cơ chế, chính sách, quy định pháp luật chưa đồng bộ; phân cấp, phân quyền, thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu; phối hợp công tác có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

**2. Định hướng Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2021 - 2025**

***2.1. Quan điểm chỉ đạo:*** Huy động tổng thể các nguồn lực, trong đó nguồn lực bên trong là chiến lược, cơ bản, lâu dài, quyết định kết hợp chặt chẽ, hiệu quả với nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; chỉ chi ngân sách nhà nước trong khả năng của nền kinh tế và chỉ vay trong khả năng trả nợ, bảo đảm an toàn tài chính quốc gia và quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, công bằng, bền vững nguồn lực tài chính quốc gia; tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng thu, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình, cá thể hoá trách nhiệm, bảo đảm công khai, minh bạch.

***2.2. Định hướng cân đối tài chính quốc gia và một số chỉ tiêu chủ yếu***

- Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 8,3 triệu tỉ đồng, gấp khoảng 1,2 lần giai đoạn 2016 - 2020; tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân khoảng 16% GDP, trong đó từ thuế, phí khoảng 13 - 14% GDP.

- Tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn khoảng 10,26 triệu tỉ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển khoảng 2,87 triệu tỉ đồng, chiếm khoảng 28%; trong tổ chức thực hiện, phấn đấu đạt khoảng 29%; chi thường xuyên khoảng 6,4 triệu tỉ đồng, bình quân khoảng 62 - 63%, phấn đấu xuống khoảng 60%. Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước bình quân 3,7% GDP. Trần nợ công, nợ Chính phủ không quá 60% và 50% GDP; ngưỡng an toàn tương ứng là 55% và 45% GDP.

***2.3. Giải pháp thực hiện***

- Sửa đổi bổ sung các luật thuế, trong đó có 6 luật thuế quan trọng theo hướng mở rộng cơ sở thu, chống xói mòn nguồn thu, nhất là từ khu vực kinh tế

phi chính thức, các hoạt động thương mại điện tử; áp dụng thuế suất hợp lý, thu hẹp các ưu đãi thuế...; khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai cho phát triển kết cấu hạ tầng.

- Sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan theo hướng đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước, từng bước khắc phục tình trạng lồng ghép trong quản lý ngân sách nhà nước, tăng vai trò chủ đạo của Ngân sách trung ương, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo, các địa phương tăng thu, huy động các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; phát huy mạnh mẽ vai trò vốn "mồi" của đầu tư công, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tổ chức sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế; đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm (ngoài lương) để tăng chi đầu tư phát triển và phấn đấu giảm bội chi ngân sách nhà nước.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nợ công; huy động nguồn lực phù hợp với khả năng vay, trả nợ của nền kinh tế. Phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính minh bạch của thị trường chứng khoán, dịch vụ tài chính.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý tài chính - ngân sách nhà nước; tăng cường thanh tra, kiểm tra phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính.

## C- KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

### 1. Tình hình, kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2020

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được thực hiện quyết liệt với nhiều đổi mới. Thể chế pháp luật về đầu tư công ngày càng hoàn thiện. Cơ cấu đầu tư công chuyển biến tích cực, hài hoà giữa các vùng, miền. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch trong đầu tư công. Hiệu quả đầu tư công từng bước được cải thiện, dần khắc phục đầu tư phân tán, dài trải, góp phần tích cực phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư ngoài nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, một số cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về đầu tư công điều chỉnh chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn; trình tự, thủ tục còn phức tạp; việc bố trí vốn mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn dàn trải, manh mún, chia cắt... Cân đối ngân sách trung ương cho đầu tư không đạt mục tiêu đề ra. Chất lượng kế hoạch và công tác chuẩn bị dự án còn nhiều bất cập. Tiến độ triển khai các dự án quan trọng quốc gia, dự án lớn, trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu, lãng phí, kéo dài...

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương chưa cao; vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa được thể hiện rõ; phân bổ vốn đầu tư công còn bình quân, thiếu trọng tâm, trọng điểm; năng lực triển khai thực hiện còn nhiều bất cập.

**2. Quan điểm, mục tiêu và giải pháp thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025**

***2.1. Quan điểm chỉ đạo:*** Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, hiện đại, tập trung cho 3 đột phá chiến lược, các lĩnh vực ưu tiên, vùng động lực, vùng khó khăn, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi thiên tai, biến đổi khí hậu, các công trình, dự án trọng điểm có sức lan toả cao; bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hoà, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, miền, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp chênh lệch vùng miền và khoảng cách giàu nghèo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường giám sát, kiểm tra; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công; giảm tỉ trọng vốn đầu tư công trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội. Kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, kéo dài, lãng phí; xoá bỏ "xin cho", tham nhũng, lợi ích nhóm và các hạn chế, bất cập; tạo chuyển biến rõ nét trong đột phá chiến lược về hạ tầng, góp phần hiện thực hoá các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra.

***2.2. Dự kiến phương án phân bổ***

Tổng mức vốn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 2,87 triệu tỉ đồng, trong đó 1,5 triệu tỉ đồng vốn Ngân sách trung ương, 1,37 triệu tỉ đồng vốn ngân sách địa phương. Bố trí đủ vốn đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia và 3 chương trình mục tiêu quốc gia; hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành và đáp ứng yêu cầu tiến độ để cơ bản hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường vành đai 3, 4 của khu vực động lực Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long, tuyến nối Tây Nguyên với Nam Trung Bộ, khu vực miền núi phía Bắc, tuyến đường ven biển, hành lang kinh tế Đông - Tây; tập trung ưu tiên vốn cho những ngành, lĩnh vực quan trọng, then chốt, có sức lan toả cao của nền kinh tế. Kiên quyết cắt giảm các dự án đầu tư trung hạn nguồn Ngân sách trung ương còn dưới 5.000 dự án. Phấn đấu tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công bình quân giai đoạn 2021 - 2025 trên 90%, số dự án hoàn thành trong giai đoạn chiếm trên 80% tổng số dự án được bố trí vốn.

***2.3. Giải pháp thực hiện kế hoạch***

- Rà soát hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về đầu tư công và các pháp luật có liên quan, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, trước hết đề nghị tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư. Tiếp tục đơn giản hoá

cao nhất về trình tự, thủ tục, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hoá trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Kiểm soát chặt chẽ số dự án và thời gian bố trí vốn, bảo đảm mục tiêu, hiệu quả, tính liên tục trong đầu tư công.

- Tập trung rà soát, cương quyết loại bỏ những dự án chưa thật sự cần thiết, cấp bách, ưu tiên nguồn vốn cho các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án đầu tư công, bảo đảm phù hợp với thực tế, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án.

- Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch.

## II- VỀ TÌNH HÌNH PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

### 1. Tình hình chung

Trên thế giới, tính đến ngày 09/7/2021 đã ghi nhận trên 186 triệu ca mắc Covid-19, hơn 4 triệu ca tử vong. Tuy các ca mắc mới giảm trong 2 tháng gần đây nhưng đã có dấu hiệu tăng, có nguy cơ bùng phát trở lại, kể cả tại những nước đã tiêm vắc-xin đạt tỉ lệ cao. Tại Đông Nam Á, dịch vẫn diễn biến phức tạp.

Từ đầu năm 2020, Việt Nam đã trải qua 4 đợt dịch: Đợt 1 (từ ngày 22/01/2020 đến ngày 05/3/2020) với 16 ca mắc; Đợt 2 (từ ngày 06/3/2020 đến ngày 22/7/2020) với 399 ca mắc; Đợt 3 (từ ngày 23/7/2020 đến 26/4/2021) với 2.427 ca mắc.

Đợt 4, tính từ ngày 27/4/2021 đến sáng ngày 09/7/2021 đã ghi nhận trên 21 nghìn ca mắc, 72 ca tử vong tại 55/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đợt dịch này có quy mô lớn, đa nguồn lây, đa chủng, đa ổ bệnh, nhất là do biến chủng Delta lây lan rất nhanh, nguy hiểm hơn so với 3 đợt dịch trước. Đặc biệt, dịch lần đầu tiên đã xâm nhập vào các khu công nghiệp tập trung. Tại một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Phú Yên, Long An, Tiền Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu... dịch vẫn diễn biến phức tạp. Nguyên nhân của đợt dịch thứ 4 là do có nguồn bệnh xâm nhập từ bên ngoài qua đường nhập cảnh, song việc quản lý cách ly và sau cách ly ở một vài địa phương còn sơ hở. Biến chủng vi-rút mới có độ nguy hiểm cao, khả năng lây lan nhanh, mạnh, làm bệnh tăng nặng hơn. Có sơ hở, lỏng lẻo trong thực hiện và giám sát phòng, chống dịch tại một số cơ sở y tế và khu công nghiệp; một số người dân trong các khu cách ly, phong toả chưa thực hiện nghiêm quy định về

giãn cách, không tụ tập đông người. Còn có một số biểu hiện lơ là, chủ quan, mất cảnh giác trong một bộ phận nhân dân và trong một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là sau khi kiểm soát tốt đợt dịch thứ 3. Các địa phương chưa có kinh nghiệm phòng, chống dịch tại các khu công nghiệp với số lượng lớn người lao động ăn ở, làm việc tập trung nên bị động, lúng túng trong chống dịch thời gian đầu.

**2. Kết quả công tác phòng, chống dịch**

Từ đầu năm 2020, khi dịch bệnh mới xuất hiện tại Việt Nam, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan đã bám sát các diễn biến của tình hình; lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, kịp thời, đúng hướng, toàn diện, hiệu quả, phù hợp; huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ của người dân, doanh nghiệp thực hiện "mục tiêu kép" vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Các cấp, các ngành, các địa phương đã tổ chức triển khai kịp thời, quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với tình hình, diễn biến dịch bệnh tại từng địa bàn. Nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có cách làm sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả. Có sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành, các địa phương trong việc huy động số lượng lớn nhân lực, vật tư, trang thiết bị trực tiếp hỗ trợ các địa phương. Trong thời gian ngắn đã thiết lập các bộ phận thường trực, các trung tâm xét nghiệm, bệnh viện dã chiến, các đơn vị hồi sức cấp cứu ngay tại địa bàn có dịch.

Các địa phương đã kích hoạt toàn bộ hệ thống phòng, chống dịch, thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Y tế; xây dựng kịch bản ứng phó với các tình huống dịch; thực hiện giãn cách, cách ly phù hợp theo mức độ nguy cơ; thực hiện truy vết thần tốc, phát huy vai trò của các tổ chống dịch dựa vào cộng đồng; áp dụng các phương pháp xét nghiệm phù hợp với tình hình thực tế và tổ chức tốt công tác điều phối lấy mẫu, xét nghiệm; thực hiện các hình thức cách ly phù hợp. Chủ động thiết lập bệnh viện dã chiến kịp thời, đáp ứng phù hợp với năng lực thu dung, điều trị trên địa bàn; thiết lập các trung tâm hồi sức tích cực (ICU) để điều trị ca bệnh nặng, nguy kịch. Chủ động thực hiện hậu cần theo phương châm "4 tại chỗ". Từng bước siết chặt công tác phòng, chống dịch tại các khu công nghiệp; tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch tại nơi lưu trú, sinh hoạt của công nhân.

Công tác điều trị đạt kết quả tích cực, tính đến sáng ngày 09/7/2021 đã có hơn 8 nghìn người khỏi bệnh (chiếm 37% số mắc), tỉ lệ tử vong thấp. Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và trực tiếp là Tổng Giám đốc WHO vẫn đánh giá Việt Nam là một trong số các quốc gia có kết quả phòng, chống dịch tốt trên thế giới và tốt nhất trong khu vực (Việt Nam có số dân đông xếp thứ 15 trên thế giới nhưng là 1 trong 10 nước có số ca mắc, số ca tử vong thấp nhất thế giới trên 1 triệu dân,

xếp thứ 211/222 về số mắc và thứ 204/222 về số tử vong trên 1 triệu dân, xếp thứ 138/222 quốc gia, vùng lãnh thổ về số mắc, thứ 171/222 về số tử vong).

Kết quả phòng, chống dịch đã góp phần quan trọng bảo đảm thực hiện thành công các sự kiện chính trị lớn của đất nước. Tổ chức thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; bầu cử Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, bảo đảm an ninh, an toàn và yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phòng, chống dịch Covid-19 còn một số tồn tại, hạn chế:

- Một số địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và một bộ phận người dân còn có tình trạng chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; chưa lường hết mức độ nguy hiểm và khả năng lây lan nhanh chóng của các biến chủng Delta; một bộ phận chưa thực hiện nghiêm quy định về giãn cách, cách ly và khoanh vùng dập dịch hiệu quả.

- Việc thực hiện phương châm "4 tại chỗ" ở một số nơi chưa triệt để, nhất là về trang thiết bị, vật tư và nhân lực; còn lúng túng, e ngại trong thực hiện mua sắm trang thiết bị, sinh phẩm xét nghiệm.

- Việc quản lý người nhập cảnh, lưu trú bất hợp pháp còn sơ hở ở một số nơi; quản lý cách ly tập trung tại một số khách sạn, cơ sở lưu trú, việc bàn giao và giám sát người sau cách ly về địa phương không ít nơi còn thiếu chặt chẽ, thậm chí một số nơi bị buông lỏng.

- Công tác phòng, chống dịch ở một số cơ sở y tế (nhất là việc xét nghiệm, quản lý bệnh nhân, người nhà bệnh nhân) còn chưa nghiêm. Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, kể cả trong khu công nghiệp tập trung chưa thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch. Một bộ phận lớn công nhân phải ở trọ với điều kiện khó khăn, mật độ cao, khi xảy ra dịch thì nguy cơ lây nhiễm rất cao.

Từ thực tế công tác phòng, chống dịch Covid-19, có một số bài học kinh nghiệm sau:

*Thứ nhất,* theo dõi sát sao, nắm chắc tình hình; lãnh đạo, chỉ đạo, kịp thời, đúng hướng, toàn diện, tổng thể, lấy hiệu quả là chính với tinh thần "chống dịch như chống giặc", vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội một cách toàn diện, hiệu quả.

*Thứ hai,* phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở, sự vào cuộc chủ động, tích cực của các lực lượng tuyến đầu, đặc biệt là lực lượng nòng cốt như y tế, quân đội, công an... Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành, các lực lượng; thực hiện phân cấp, phân quyền rõ, cá thể hoá trách nhiệm người đứng đầu trong phòng, chống dịch. Khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh, kịp thời.

*Thứ ba,* huy động sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, sự tham gia, đóng góp tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Thực hiện tốt hoạt động truyền thông, truyền cảm hứng, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội.

*Thứ tư,* kiên định các chủ trương, định hướng, giải pháp lớn có tính chiến lược, đồng thời linh hoạt, sáng tạo, kịp thời, hiệu quả để có đáp ứng phù hợp trước diễn biến mới của tình hình dịch bệnh. Nêu cao tinh thần chủ động tiến công. Tiếp tục thực hiện nghiêm giải pháp "5K + vắc-xin" đối với cá nhân, kể cả trong điều kiện có vắc-xin cho tới khi có miễn dịch cộng đồng chắc chắn; đối với cơ sở sản xuất, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức thì thực hiện nghiêm các giải pháp phòng, chống dịch.

*Thứ năm,* chủ động, tăng cường hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế; tranh thủ các nguồn lực, kinh nghiệm trong phòng, chống dịch cũng như tiếp cận vắc-xin. Đồng thời tích cực hợp tác, tham gia các chương trình quốc tế về phòng, chống dịch.

**3. Tình hình mua, nhập khẩu, nghiên cứu, sản xuất và tổ chức tiêm vắc-xin Covid-19**

Nhận thức được vai trò, ý nghĩa chiến lược, lâu dài, quyết định của vắc-xin trong phòng, chống dịch; thực hiện kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, từ đầu năm 2020, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt chiến lược vắc-xin trên toàn diện các lĩnh vực: Mua, nhập khẩu vắc-xin, nhận chuyển giao công nghệ, nghiên cứu sản xuất vắc-xin trong nước, tổ chức tiêm vắc-xin...

Ngay từ giữa năm 2020, Việt Nam đã chủ động tiếp cận, đàm phán với các nhà sản xuất ngay từ trong giai đoạn nghiên cứu, thử nghiệm lâm sàng. Tính đến nay, Việt Nam đã phê duyệt trong tình huống cấp bách một số loại vắc-xin phòng Covid-19 của các hãng: Astra Zeneca, Gamaleya (Sputnik V), Sinopharm, Pfizer, Moderna.

Do các điều kiện mua bán vắc-xin mà các nhà sản xuất vắc-xin đưa ra có nhiều vướng mắc so với pháp luật Việt Nam, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo và thống nhất chỉ đạo, tháo gỡ những vướng mắc về mặt pháp lý để thúc đẩy việc đàm phán, mua bán vắc-xin với các nhà sản xuất trong trường hợp cấp bách.

Thủ tướng Chính phủ đã quyết định lập Quỹ vắc-xin phòng, chống Covid-19 nhằm huy động tổng lực, đóng góp xã hội để chia sẻ với ngân sách nhà nước nhằm phục vụ cho hoạt động mua, nhập khẩu vắc-xin, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước và sử dụng vắc-xin cho nhân dân.

Đến nay, đã có cam kết viện trợ, ký hợp đồng cung ứng trong năm 2021 khoảng hơn 105 triệu liều, đang đàm phán khoảng 45 triệu liều và tiếp tục tìm kiếm, đàm phán các nguồn vắc-xin khác. Tuy nhiên, trong điều kiện khan hiếm vắc-xin trên toàn cầu, từ nay đến hết quý III/2021, vẫn rất khó khăn về vắc-xin (dự kiến

trong quý III/2021 sẽ có khoảng 30 triệu liều vắc-xin). Từ quý IV/2021, vắc-xin về nhiều hơn và đến năm 2022, tình hình cung cấp vắc-xin sẽ thay đổi tích cực.

Nguyên nhân chính của việc cung ứng vắc-xin còn chậm là do tình trạng khan hiếm vắc-xin trên toàn cầu; vắc-xin không phải là sản phẩm thương mại được tự do mua bán; tiến độ giao vắc-xin phụ thuộc hoàn toàn vào nhà sản xuất, cung ứng; vắc-xin trong Chương trình COVAX được ưu tiên cung ứng cho các nước tự sản xuất và các nước có tình hình dịch bệnh nghiêm trọng (trong khi Việt Nam được đánh giá là chống dịch tốt). Điều kiện mua bán các nhà sản xuất đặt ra chưa có trong tiền lệ, không phù hợp với các quy định về sản phẩm dược, về mua sắm công theo quy định hiện hành của pháp luật nước ta.

Về việc chuyển giao công nghệ, nghiên cứu sản xuất vắc-xin trong nước, Việt Nam là một trong số ít quốc gia trong khu vực đã chủ động nghiên cứu vắc-xin. Từ tháng 3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan liên quan tập trung nghiên cứu, sản xuất vắc-xin phòng Covid-19 trong nước và đến nay đã đạt được kết quả bước đầu tích cực, là một trong số ít nước có 2 vắc-xin đang được thử nghiệm lâm sàng và là nước đầu tiên trong khu vực Đông Nam Á thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 3.

Về chuyển giao công nghệ, Chính phủ đã chỉ đạo việc tiếp cận, đàm phán với các nhà sản xuất của nhiều nước để nhận chuyển giao công nghệ sản xuất vắc-xin trong nước. Dự kiến, ngay trong quý III/2021, sẽ có vắc-xin sputnik V đóng ống nhận chuyển giao công nghệ của Nga.

Công tác tổ chức tiêm vắc-xin đã được triển khai đúng kế hoạch, đúng đối tượng ưu tiên, bảo đảm hiệu quả và không để lãng phí, quá hạn, đặc biệt chú ý việc sẵn sàng xử lý các sự cố có thể xảy ra do tiêm vắc-xin. Có vắc-xin đến đâu tổ chức phân bổ, tiêm ngay đến đó theo yêu cầu phòng, chống dịch. Phấn đấu cuối năm 2021 đạt 70 - 75% người dân được tiêm và nhằm đầu năm 2022 đạt miễn dịch cộng đồng. Trong quý III/2021 sẽ ưu tiên tiêm cho các đối tượng ở tuyến đầu phòng, chống dịch, người lao động trực tiếp sản xuất ở các khu công nghiệp, các địa phương trọng điểm, đầu tàu kinh tế, không để đứt gãy các hoạt động sản xuất, người dân ở vùng có nguy cơ cao.

Dự kiến, từ năm 2022, khi đã đạt được miễn dịch cộng đồng và thế giới có nhiều loại vắc-xin, Chính phủ sẽ xem xét áp dụng cơ chế tiêm chủng đã vận hành từ nhiều năm là tiêm miễn phí đối với loại vắc-xin thông dụng, giá không cao và tiêm dịch vụ đối với loại vắc-xin đặc biệt và giá cao (tương tự tiêm chủng mở rộng được áp dụng từ nhiều năm).

**4. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới**

Trên thế giới dự báo dịch bệnh còn tiếp tục diễn biến phức tạp. Ở các nước có nhiều vắc-xin, tuy đạt miễn dịch cộng đồng nhưng vẫn còn nguy cơ dịch bệnh quay lại do các biến chủng mới. Ở các nước đang phát triển, việc đạt được

tình trạng miễn dịch cộng đồng chậm hơn. Trong thời gian tới có thể xuất hiện các biến chủng mới nguy hiểm hơn, lây lan nhanh hơn, mạnh hơn. Do đó nhiều khả năng, chưa đạt được miễn dịch công đồng trên toàn cầu cho đến hết năm 2022. Trong nước, dịch bệnh vẫn tiếp tục xảy ra; có nhiều khả năng các địa phương trên cả nước đều sẽ có dịch bệnh, nếu không tập trung dập ngay từ đầu thì có nguy cơ lan rộng.

Về mục tiêu trong thời gian tới, tiếp tục kiên định thực hiện mục tiêu kép, vừa ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội; không để dịch lan rộng trên quy mô toàn quốc tới mức phải thực hiện phong toả toàn quốc như một số nước; đối với các địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và một số địa phương có dịch cần tập trung ưu tiên cao nhất nhằm dập dịch nhanh nhất, sớm nhất.

Về nhiệm vụ, giải pháp, trong thời gian tới cần triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch, trong đó tập trung:

1. Phòng, chống dịch là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền; tiếp tục huy động toàn bộ hệ thống chính trị, nhất là tại cơ sở; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tham gia tích cực vào công tác phòng, chống dịch và phát triển kinh tế xã hội.

2. Kiên trì định hướng, chiến lược phòng, chống dịch đã được thực hiện từ đầu và được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Trong đó tiếp tục quán triệt tinh thần "chống dịch như chống giặc", chiến lược "5K + vắc-xin" với cá nhân, an toàn Covid với cơ sở sản xuất kinh doanh và ứng dụng công nghệ chặt chẽ, rộng rãi; chỉ đạo tổ chức triển khai thống nhất, quyết liệt ngay từ đầu; tiếp tục đề cao cảnh giác, không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, nhất là lơi lỏng các biện pháp phòng, chống dịch khi bắt đầu tiêm vắc-xin nhưng chưa đạt được miễn dịch cộng đồng.

3. Các địa phương cần chủ động hơn thực hiện nghiêm "4 tại chỗ", khi chưa có dịch thì hết sức cảnh giác, thực hiện các biện pháp phòng, chống, luôn sẵn sàng cho mọi tình huống dịch bệnh cao hơn; khi có ca nhiễm xảy ra thì phải chỉ đạo quyết liệt, ngay từ ban đầu để dập dịch nhanh nhất có thể, sớm ổn định tình hình. Tuỳ tình hình, địa bàn mà ưu tiên chống dịch hay phát triển kinh tế - xã hội hoặc đồng thời cả hai, nhưng luôn phải bảo đảm yêu cầu chống dịch, bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

4. Thống nhất cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành; một mặt tuân thủ yêu cầu chuyên môn về y tế, mặt khác phải đồng bộ với các ngành nhằm bảo đảm ổn định đời sống nhân dân, ổn định xã hội, an ninh trật tự trên địa bàn, không làm xáo trộn trên mức cần thiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Đặc biệt lưu ý chuẩn bị các kịch bản khi dịch xâm nhập vào khu công nghiệp, chuẩn bị các giải pháp phòng, chống dịch cần thiết, kể cả thí điểm một số giải pháp chưa có tiền lệ.

5. Tiếp tục khẩn trương tiếp cận các nguồn vắc-xin để có vắc-xin nhanh nhất, tiêm được cho nhiều người nhất, đặc biệt là trong thời gian từ nay đến hết quý III/2021, nhằm sớm kiểm soát dịch bệnh trong cộng đồng và đưa cuộc sống trở lại bình thường. Thúc đẩy mạnh mẽ tiến độ nghiên cứu, phát triển vắc-xin sản xuất trong nước, mua và chuyển giao công nghệ để từng bước tự chủ vắc-xin vào năm 2022. Tổ chức triển khai hiệu quả chiến dịch tiêm chủng toàn quốc bảo đảm an toàn, hiệu quả.

6. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tiếp tục tuyên truyền, vận động, huy động toàn dân tích cực, tự giác thực hiện yêu cầu 5K, tiêm vắc-xin; các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nghiêm các giải pháp bảo đảm an toàn trong sản xuất, kinh doanh. Tăng cường sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái, huy động sự ủng hộ của nhân dân, doanh nghiệp đối với công tác phòng, chống dịch.

7. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong công tác phòng, chống dịch; đồng thời khen thưởng, biểu dương, nhân rộng kịp thời những cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân làm tốt, có hiệu quả trong phòng, chống dịch.

8. Trong thời gian trước mắt, tập trung lực lượng để dập dịch nhanh nhất, sớm nhất có thể tại Thành phố Hồ Chí Minh, không để tiếp tục bùng phát rộng và lây lan dịch bệnh ra các địa phương khác.

## III- VỀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ KHOÁ XIII

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thảo luận và thống nhất cao với mục đích, yêu cầu của việc xây dựng Quy chế khoá XIII nhằm cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, quản lý thống nhất của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đối với các vấn đề lớn, quan trọng của đất nước trên các lĩnh vực, đi đôi với phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương trong xử lý, giải quyết công việc thuộc lĩnh vực, địa phương được phân công phụ trách và trách nhiệm chung. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đổi mới phong cách, lề lối làm việc, khoa học, bám sát thực tiễn, nói đi đôi với làm; đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng. Kế thừa những nội dung đúng đắn, còn phù hợp trong Quy chế khoá XII; bổ sung, sửa đổi một số nội dung cần thiết, những vấn đề mới mà thực tiễn yêu cầu, đã chín, đã rõ; khắc phục những hạn

chế đã được tổng kết trong quá trình thực hiện Quy chế khoá XII; cập nhật và tiếp tục thực hiện các quy định có liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn, chế độ và phương pháp công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã được ban hành trong khoá XII; bảo đảm phù hợp với Cương lĩnh, Điều lệ, Hiến pháp và pháp luật. Phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong xã hội; tập hợp được trí tuệ của lãnh đạo các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương.

Về căn cứ xây dựng Quy chế khoá XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất căn cứ vào Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Điều lệ Đảng; Hiến pháp năm 2013; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Báo cáo tổng kết thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XII.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất kết cấu dự thảo Quy chế khoá XIII cơ bản giữ như Quy chế làm việc của nhiệm kỳ trước, bao gồm 3 chương, 17 điều.

*Chương I*: Trách nhiệm và quyền hạn, gồm 9 điều quy định trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương; của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư; của đồng chí Tổng Bí thư và các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị là Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, đồng chí Thường trực Ban Bí thư. *Chương II*: Chế độ làm việc và phương pháp công tác, gồm 7 điều quy định về việc chuẩn bị và tổ chức các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, hội nghị Bộ Chính trị, hội nghị Ban Bí thư; về lãnh đạo, chỉ đạo đối với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; chế độ làm việc, sơ kết, tổng kết, tự phê bình, phê bình và chất vấn, chế độ đi công tác cơ sở, dự hội nghị, lễ kỷ niệm, lễ hội do các ngành, địa phương, đơn vị tổ chức. *Chương III:* Điều khoản thi hành.

Ban Chấp hành Trung ương thảo luận, thống nhất một số nội dung sửa đổi[1]. Cụ thể như sau:

- Về trách nhiệm, quyền hạn chung của Ban Chấp hành Trung ương: Bổ sung nội dung "*chỉnh đốn Đảng*"; "*Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị*" (khổ đầu, trước Khoản 1), vì chủ đề và nội dung các văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh công tác chỉnh đốn Đảng, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân, là những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng trong nhiệm kỳ này.

---

[1] Những chữ in nghiêng là đề nghị bổ sung, sửa đổi.

- Về nhiệm vụ của Ban Chấp hành Trung ương (Điều 1), bổ sung, sửa đổi nội dung "... chủ trương về việc Việt Nam tham gia công ước, hiệp ước hoặc ký kết hiệp định song phương, đa phương đặc biệt quan trọng phải có sự phê chuẩn hoặc xin ý kiến của Quốc hội" thành *"... chủ trương Việt Nam tham gia ký kết hoặc chấm dứt hiệu lực của Điều ước quốc tế đặc biệt quan trọng phải được Quốc hội phê chuẩn hoặc xem xét, quyết định"* (Khoản 4) để phù hợp với Điều 70 của Hiến pháp và Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

Bổ sung trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương trong *"Định hướng xây dựng, thực hiện chiến lược cán bộ của hệ thống chính trị"; "Xác định phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình Đại hội toàn quốc của Đảng"* (Khoản 6). Đây là những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương các nhiệm kỳ trước đã thực hiện, phù hợp với các nghị quyết của Trung ương Đảng về công tác cán bộ; kết luận của Đảng về thực hiện chiến lược cán bộ gắn với yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tế qua các kỳ Đại hội.

- Về trách nhiệm và quyền hạn của Uỷ viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương (bao gồm cả Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư) (Điều 2), bổ sung nội dung về trách nhiệm của Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương: *"Gương mẫu đi đầu thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương; kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; đề cao trách nhiệm cá nhân, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực"* (Khoản 6); bổ sung cụm từ *"giữ gìn đoàn kết, thống nhất trong Đảng, nêu gương chất vấn..."*, *"ý thức tổ chức kỷ luật"* (Khoản 8), nhằm cụ thể hoá và đẩy mạnh việc thực hiện Quy định của Trung ương về nêu gương và cụ thể hoá các nghị quyết của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Về trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Chính trị (Điều 4), ghép 2 mục quốc phòng, an ninh (Khoản 4) và đối ngoại (Khoản 5) thành mục *"Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại"*, do đây là các vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau.

- Về nhiệm vụ cụ thể của Bộ Chính trị bổ sung nội dung "*Định kỳ hằng quý và khi cần thiết cho ý kiến về tình hình đất nước"* vào Khoản 1 nhằm bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thường xuyên, kịp thời của Bộ Chính trị trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Bí thư (Điều 5), bổ sung một số điểm sau: Bổ sung Khoản 2 và hoàn chỉnh lại là "Chỉ đạo xây dựng *và kiểm tra* quy chế làm việc của các ban đảng Trung ương, *các đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ, tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương"*. Đây là vấn đề xuất phát từ tình hình thực tiễn trong thời gian qua. Bổ sung mới vào Khoản 2 nội dung *"Xác định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện"*. Bổ sung nội dung này cho phù hợp với tình hình thực tiễn,

đồng thời Ban Bí thư đã ban hành các quy định về vấn đề này. Bổ sung mới vào Khoản 12 nội dung cho *"Chủ trương xây dựng tượng đài hoặc di tích lưu niệm các danh nhân Việt Nam ở nước ngoài và các danh nhân nước ngoài tại Việt Nam"* để cụ thể hoá thẩm quyền của Ban Bí thư. Bổ sung mới Khoản 15 về trách nhiệm, quyền hạn của Thường trực Ban Bí thư *"Thường trực Ban Bí thư gồm đồng chí Tổng Bí thư và đồng chí Thường trực Ban Bí thư, giải quyết công việc, cho ý kiến về các vấn đề vượt thẩm quyền của đồng chí Thường trực Ban Bí thư nhưng chưa đến mức phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư; và những công việc được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, uỷ quyền"*. Đây là việc mà Thường trực Ban Bí thư đã thực hiện qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa được đưa vào Quy chế, đồng thời thể hiện rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn của Thường trực Ban Bí thư.

- Về trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Bí thư (Điều 6): Về chủ trì các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Bổ sung mới nội dung *"Khi cần thiết Tổng Bí thư uỷ quyền cho một đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị chủ trì các hội nghị này"* vào Khoản 2. Bổ sung trách nhiệm, quyền hạn của đồng chí Tổng Bí thư, gồm: *"Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; tham gia Thường vụ Đảng uỷ Công an Trung ương"* vào Khoản 5, vì đồng chí Tổng Bí thư đã và đang tham gia đảm nhiệm các chức vụ này.

- Về trách nhiệm và quyền hạn của Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư (Điều 7), bổ sung trách nhiệm, quyền hạn trong việc chỉ đạo *"xây dựng các đề án, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (theo sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư)"* vào Khoản 5 để thể hiện rõ hơn trách nhiệm của các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư và thực tế trong các nhiệm kỳ vừa qua, các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã được phân công đảm nhiệm công việc này.

- Về trách nhiệm và quyền hạn của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (Điều 9), bổ sung nội dung *"định kỳ, thường xuyên nghe báo cáo và cho ý kiến về tình hình triển khai thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư"* vào Khoản 2 để kịp thời nắm bắt tình hình và lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Bổ sung nội dung *"chỉ đạo công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; chỉ đạo cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng"* vào Khoản 6 để cụ thể hoá trách nhiệm theo phân công.

- Về hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương sửa đổi, bổ sung một số điểm (Điều 10): Bổ sung nội dung *"gợi ý những vấn đề lớn, còn có ý kiến khác nhau cần tập trung thảo luận"* và *"Những vấn đề lớn, quan trọng và có ý kiến khác nhau phải biểu quyết bằng phiếu kín"* vào Khoản 4 nhằm tăng cường tính tập trung, dân chủ, khách quan trong hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương. Bổ sung mới nội dung *"Căn cứ vào nhu cầu, tình hình cụ thể, trong các Hội nghị Trung ương, bố trí thời gian để Trung ương nghe một số báo cáo chuyên đề"*

vào Khoản 9, nhằm bảo đảm cung cấp kịp thời các thông tin, vấn đề nổi lên, cần thiết cho Trung ương. Bổ sung mới nội dung *"Tờ trình cần ngắn gọn không quá 10 trang, nêu rõ các nội dung Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tập trung thảo luận, cho ý kiến, đồng thời có kiến nghị, đề xuất cụ thể để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định"* vào Điều 11, Khoản 2 vì trong thực tế thời gian qua vấn đề này chưa có sự thống nhất, một số cơ quan chuẩn bị tờ trình quá dài. Quy định này nhằm nâng cao chất lượng, bảo đảm thời gian thảo luận trong các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

## IV- VỀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA UỶ BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG KHOÁ XIII

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất đánh giá, Quy chế làm việc của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XII đã xác định rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc và phương pháp, mối quan hệ công tác của Uỷ ban kiểm tra, thành viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương. Quy chế làm việc khoá XII cơ bản là hợp lý, nhưng vẫn có một số điểm còn hạn chế, ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng cần được xem xét bổ sung, sửa đổi. Nguyên tắc bổ sung, sửa đổi là phải bám sát và cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, quản lý thống nhất của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương đối với các nhiệm vụ về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, tập hợp trí tuệ của các đồng chí thành viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trong xử lý, giải quyết công việc thuộc lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách; tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc, bám sát thực tiễn; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất, Quy chế làm việc của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII cơ bản kế thừa những nội dung còn phù hợp trong Quy chế làm việc khoá XII; bổ sung, sửa đổi một số nội dung cần thiết, những vấn đề mới mà thực tiễn yêu cầu; khắc phục những hạn chế, bất cập trong tổ chức thực hiện và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng hiện nay; cập nhật các quy định có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Cụ thể, Quy chế khoá XIII có một số điểm mới: Quy chế có 4 chương, 10 điều (giảm hai điều so với Quy chế khoá XII); nội dung có một số điểm mới:

- Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra (Điều 1), như thẩm quyền *"quyết định kỷ luật tổ chức đảng khi kiểm tra cách cấp"*; bổ sung trách nhiệm của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương trong xử lý các vụ việc, vụ án do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo theo dõi *"Kiểm tra, xử lý kịp thời các tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm*

*trong các vụ việc, vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo"*; bổ sung nhiệm vụ thông tin, báo cáo của Uỷ ban: *"Hằng năm và cuối nhiệm kỳ hoặc khi có yêu cầu đột xuất, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, về hoạt động của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và uỷ ban kiểm tra các cấp"* để thống nhất với Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương (Điều 2), nhằm khẳng định vị trí, vai trò và yêu cầu công tác đối với thành viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, xác định rõ trách nhiệm cá nhân với trách nhiệm tập thể Uỷ ban, như: *"Chịu trách nhiệm trước Uỷ ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao,..."; "Gương mẫu, liêm chính, trong sạch, tu dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, chuyên nghiệp và trách nhiệm; không suy thoái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực dưới mọi hình thức và kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, mưu lợi cá nhân";...*

- Bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Uỷ ban, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Uỷ ban (Điều 3), nhằm khẳng định rõ tính pháp lý, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Uỷ ban, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Uỷ ban.

Quy chế còn điều chỉnh, biên tập lại một số từ, cụm từ so với Quy chế làm việc khoá XII để bảo đảm chặt chẽ, khoa học và phù hợp hơn.

**V- VỀ QUY ĐỊNH THI HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận về kết quả thực hiện Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về thi hành Điều lệ Đảng (gọi tắt là Quy định số 29) và cho rằng, trong thời gian qua, Quy định số 29 và các quy định, hướng dẫn của Đảng cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị; là cơ sở quan trọng để bảo đảm thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng. Nội dung của Quy định ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn, việc thực hiện cơ bản thuận lợi. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Quy định số 29 còn có một số hạn chế, vướng mắc về giới thiệu và kết nạp người vào Đảng; bổ sung lý lịch hằng năm đối với đảng viên công tác, lao động, học tập ở ngoài nước; đề cử để bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên; việc sinh hoạt của đảng bộ, chi bộ có tính chất đặc thù, đông đảng viên; tặng Huy hiệu Đảng; việc họp định kỳ của đảng đoàn, ban cán sự đảng. Do đó, việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định không còn phù hợp trong tổ chức thi hành Điều lệ Đảng là cần thiết.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất, việc xây dựng Quy định thi hành Điều lệ Đảng của khoá XIII phải bảo đảm một số nguyên tắc sau: (1) Bảo đảm tuân thủ Điều lệ Đảng, cơ bản kế thừa bố cục, nội dung còn phù hợp của Quy định số 29. (2) Phạm vi sửa đổi không mở rộng do chưa sửa đổi Điều lệ Đảng,

những nội dung mà Điều lệ Đảng đã thể hiện rõ thì không quy định thêm; chỉ cụ thể hoá một số quy định trong Điều lệ Đảng có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau trong thực hiện. (3) Cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với các văn bản của Đảng có liên quan và giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn. (4) Nội dung về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; về uỷ ban kiểm tra các cấp và kỷ luật đảng quy định tại Chương VII, Chương VIII của Điều lệ Đảng sẽ được Ban Chấp hành Trung ương quy định riêng. (5) Một số nội dung mới chưa được quy định trong Điều lệ Đảng sẽ tiếp tục tiếp thu, tổng hợp, nghiên cứu trong quá trình tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất, Quy định mới có bố cục gồm 35 mục như Quy định số 29. Trong đó, 23 mục kế thừa nội dung của Quy định số 29 nhưng có điều chỉnh một số câu, chữ, cách diễn đạt cho phù hợp, dễ hiểu hơn; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của 12 mục. Cụ thể như sau:

- Việc kết nạp người vào Đảng ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ (Mục 3), bổ sung nội dung: "hoặc cùng sinh hoạt nơi cư trú" vào Điểm 3.2.1 và biên tập lại như sau: *"Là đảng viên chính thức, cùng công tác, lao động, học tập hoặc cùng sinh hoạt nơi cư trú ít nhất 12 tháng với người được giới thiệu vào Đảng..."*; bổ sung nội dung: "nơi người vào Đảng công tác, lao động, học tập, cư trú" vào Điểm 3.4.1 và biên tập lại như sau: *"Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (nơi người vào Đảng công tác, lao động, học tập, cư trú) giao cho chi bộ có điều kiện thuận lợi nhất để phân công đảng viên chính thức giúp đỡ người vào Đảng"*. Việc bổ sung nội dung này nhằm tạo điều kiện kết nạp Đảng ở những nơi chưa có tổ chức đảng, đảng viên, đặc biệt là ở các khu công nghiệp, doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước.

- Về kết nạp lại người vào Đảng, bổ sung nội dung: "đảng viên đã bị đưa ra khỏi Đảng do vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình thì thực hiện theo quy định của Ban Bí thư" vào Tiết b, Điểm 3.5.1 và biên tập lại như sau: *"Ít nhất là 36 tháng kể từ khi ra khỏi Đảng (riêng người bị án hình sự về tội ít nghiêm trọng thì phải sau 60 tháng kể từ khi được xoá án tích; đảng viên đã bị đưa ra khỏi Đảng do vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình thì thực hiện theo quy định của Ban Bí thư"*. Việc bổ sung nội dung này để đồng bộ với văn bản Trung ương đã ban hành về kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình vào Đảng.

- Về phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng (Mục 6), bổ sung nội dung: "Đối với đảng viên ra nước ngoài công tác, lao động, học tập từ 12 tháng trở lên, cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên hướng dẫn bổ sung lý lịch khi đảng viên về nước vào cuối Điểm 6.2.3 và biên tập lại như sau: *"Hằng năm, các cấp uỷ chỉ đạo, kiểm tra việc bổ sung lý lịch đảng viên và quản lý hồ sơ đảng viên. Đối với đảng viên ra nước ngoài công tác, lao động, học tập từ 12 tháng trở lên, cấp uỷ quản lý hồ sơ đảng viên*

*hướng dẫn bổ sung lý lịch khi đảng viên về nước"*. Quy định này nhằm bảo đảm việc bổ sung lý lịch đảng viên phù hợp với thực tế. Vì theo quy định, tất cả hồ sơ của đảng viên là tài liệu mật của Đảng, phải được quản lý ở trong nước nên việc bổ sung lý lịch hằng năm của đảng viên đang ở nước ngoài khó thực hiện.

- Về bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên (Mục 11), bổ sung cụm từ: "Chỉ được đề cử đại biểu chính thức của đại hội để bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên" vào khổ đầu của Điểm 11.4.1.

- Về sinh hoạt định kỳ của đảng bộ cơ sở, chi bộ (Mục 20), bổ sung Khoản 20.4: "Việc thí điểm sinh hoạt trực tuyến ở một số đảng bộ, chi bộ đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt theo hướng dẫn của Ban Bí thư". Việc bổ sung này để phù hợp với tình hình thực tế của các chi bộ đông đảng viên, tính chất đặc thù, địa bàn hoạt động rộng và điều kiện phòng, chống dịch bệnh...

- Về đảng đoàn, ban cán sự đảng (Mục 31), sửa đổi nội dung từ "họp định kỳ 3 tháng 1 lần " thành "họp định kỳ 1 tháng 1 lần" tại Điểm 31.1.3. Việc sửa đổi này để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của đảng đoàn, ban cán sự đảng trong tình hình mới.

**VI- QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định: Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII (Quy định số 30) đã bám sát, cụ thể hoá Điều lệ Đảng, bảo đảm tính kế thừa các quy định trước đây của Trung ương và cơ bản phù hợp. Qua thực hiện Quy định số 30, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng được siết chặt hơn, có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, Quy định số 30 có một số điểm bất cập, vướng mắc, hạn chế như một số nội dung còn thiếu, chưa bao quát hết những vấn đề mới phát sinh; khi áp dụng còn lúng túng, vướng mắc trong triển khai thực hiện; có nội dung chưa thật sự rõ dẫn đến cách hiểu, cách vận dụng khác nhau.

Nhằm tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; xác định rõ thẩm quyền chỉ đạo của uỷ ban kiểm tra cấp trên đối với cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng; cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình, kỹ năng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện. Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất ban hành Quy định mới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng thay thế Quy định số 30.

Nguyên tắc việc ban hành Quy định mới là bám sát và cụ thể hoá các nội dung về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của Điều lệ Đảng, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; kế thừa Quy định số 30, cập nhật chủ trương, quan điểm, nguyên tắc của Đảng trong các quy định, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; bổ sung những nội dung mới mà qua thực tiễn nhận thấy đã rõ, thực hiện có hiệu quả; lược bỏ những nội dung không còn phù hợp; kết cấu lại bố cục cho khoa học.

Quy định mới có một số điểm mới sau:

- Bố cục được kết cấu bằng các chương, điều, khoản theo chức năng, nhiệm vụ của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra và các nội dung về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng cho khoa học, dễ tra cứu, dễ nhớ, dễ thực hiện, không bị chồng chéo (Quy định mới có 7 chương, 36 điều, quy định cụ thể từng lĩnh vực, từng nội dung - Quy định số 30 có tính chất hướng dẫn từng điều tại Chương VII và Chương VIII của Điều lệ Đảng, không có chương, điều).

- Tên gọi đổi từ "Quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng" thành "Quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng".

- Sắp xếp thống nhất, hợp lý các nội dung, như: Có đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc hoạt động, giải thích nội hàm các khái niệm, từ ngữ có tính phổ biến được đề cập trong kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng (trước đây nằm ở nhiều điều, khoản, mục khác nhau trong Quy định số 30).

- Một số nội dung mới bổ sung, sửa đổi, như: Quy định việc *"không được sử dụng thiết bị ghi âm, ghi hình, thu phát sóng khi làm việc với chủ thể kiểm tra, giám sát"* nhằm phòng ngừa việc đối tượng kiểm tra ghi âm, ghi hình lại các nội dung đang trong quá trình kiểm tra, chưa được phép công khai vì mục đích xấu, bảo đảm giữ bí mật danh tính người tố cáo; tăng trách nhiệm, thẩm quyền cho cấp uỷ *"Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước"*, việc *"giải quyết tố cáo đối với các trường hợp cán bộ về hưu bị tố cáo trong thời gian đang đương chức"*; tăng thẩm quyền cho uỷ ban kiểm tra các cấp "*Chỉ đạo* cấp uỷ, tổ chức đảng, *uỷ ban kiểm tra cấp dưới* về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng" (Quy định số 30 chỉ có hướng dẫn, kiểm tra); tăng nội dung giám sát của uỷ ban kiểm tra các cấp về *"Tư tưởng chính trị và thực hiện trách nhiệm nêu gương theo các quy định của Đảng", "việc kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức"*; thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng *"kiểm tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm trong các vụ việc, vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo"...;* bổ sung, nguyên tắc kỷ luật, giải quyết đơn tố cáo (có cả đơn nặc danh), phạm vi giải quyết khiếu nại;...

Quy định mới còn thay thế, bổ sung một số từ, cụm từ cho phù hợp với các quy định mới của Đảng.

**VII-** Ban Chấp hành Trung ương Đảng tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị về cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước và phương án giới thiệu bổ sung nhân sự đảm nhiệm một số chức danh lãnh đạo cơ quan Nhà nước khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Đồng thời, giao cho Bộ Chính trị nghiên cứu kết quả ghi phiếu giới thiệu của Trung ương tại Hội nghị Trung ương 2 và 3 khoá XIII, chính thức giới thiệu nhân sự các chức danh lãnh đạo các cơ quan nhà nước khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn theo quy định.

**VIII-** Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã bầu bổ sung hai Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII là đồng chí Phạm Đức Tiến, Vụ trưởng Vụ Địa phương II, Cơ quan Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và đồng chí Nguyễn Văn Quyết, Vụ trưởng Vụ Địa phương V, Cơ quan Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

**IX- VỀ XEM XÉT, THI HÀNH KỶ LUẬT CÁN BỘ**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thi hành kỷ luật đồng chí Vũ Huy Hoàng, nguyên Uỷ viên Trung ương Đảng bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng; thi hành kỷ luật đồng chí Trần Văn Nam, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội khoá XIV tỉnh Bình Dương bằng hình thức cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng các nhiệm kỳ 2010 - 2015, 2015 - 2020, 2020 - 2025.

**X-** Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã cho ý kiến, thông qua Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 2 đến Hội nghị Trung ương 3 và các nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 3 đến Hội nghị Trung ương 4.

*

*  *

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 đi đôi với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.